

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 29-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

1. Ông Đỗ Quang Lý
2. Bà Hoàng Thị Kim Yến .

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ: Đường L, phường H, quận Đ, Thành phố N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Xuân D hoặc ông K; địa chỉ: Đường P, Phường B, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 11662/2018/UQ-VPB ngày 17/5/2018).

(Ông K có mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ Quang K1, sinh năm 1974; địa chỉ: Đường G, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông K1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông K trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) và ông Đỗ Quang K1 đã ký kết 02 “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng” số 1838417 ngày 11/9/2014 và số 2078779 ngày 23/10/2014 (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng) và 01 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cụ thể như sau:

- Theo hợp đồng tín dụng số 1838417 và thông báo cho vay ngày 11/9/2014, theo đó Ngân hàng V phê duyệt cho ông K1 vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 11/9/2014 đến ngày 11/9/2017, lãi suất cho vay trong hạn 30%/năm, lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, trong 35 tháng đầu, mỗi tháng ông K1 có trách nhiệm trả số tiền 853.585đ, tháng cuối cùng trả 853.594đ. Kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 11/10/2014. Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nhận đủ tiền và thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 29/5/2018 được 10 kỳ với số tiền 21.466.773đ gồm 6.704.366đ tiền gốc, 14.762.407đ tiền lãi và còn nợ lại số tiền 22.193.982đ gồm: gốc 13.295.634đ và 8.898.348đ tiền lãi.

- Theo hợp đồng tín dụng số 2078779 và thông báo cho vay ngày 23/10/2014, theo đó Ngân hàng V phê duyệt cho ông K1 vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 23/10/2014 đến 23/10/2018, lãi suất cho vay trong hạn 30%/năm, lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, trong 47 tháng đầu, mỗi tháng ông K1 có trách nhiệm trả số tiền 1.087.906đ, tháng cuối cùng trả 1.087.872đ. Kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 23/11/2014. Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nhận đủ tiền và thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 29/5/2018 được 10 kỳ với số tiền 22.671.598đ gồm 4.505.945đ tiền gốc, 21.165.653đ tiền lãi và còn nợ lại số tiền 46.319.727đ bao gồm: tiền gốc 25.494.055đ và 20.825.672đ tiền lãi.

- Theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-536954 mở ngày 14/8/2014, hạn mức 20.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K1 đã trả dứt điểm khoản vay phát sinh từ hợp đồng thẻ tín dụng này nên nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ phát sinh là 31.3983374đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo 02 hợp đồng hai bên đã ký dù phía nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở và tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán nợ nhưng phía bị đơn cố tình

không thực hiện nghĩa vụ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/5/2018 là: 68.513.709đ ngay khi án có hiệu lực pháp luật và lãi suất phát sinh từ ngày 30/5/2018 theo 02 hợp đồng tín dụng hai bên đã ký.

Bị đơn – ông Đỗ Quang K1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục: thụ lý vụ án, tổng đạt, xác minh, thu thập chứng cứ, xác định tư cách tham gia tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng quy định; tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và ông Đỗ Quang K1 có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 1838417 ngày 11/9/2014, số 2078779 ngày 23/10/2014 và Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-536954 mở ngày 14/8/2014. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện. Theo bảng kê chi tiết quá trình thanh toán của 02 hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp thì có những đợt bị đơn thanh toán chỉ được trừ vào khoản tiền lãi là không đúng theo quy định pháp luật do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, do nguyên đơn rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đơn khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Quang K1 phải trả nợ; đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản dưới hình thức cấp hạn mức tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Tân Bình, căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát tại phiên tòa: Do Tòa án thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng cư trú của bị đơn nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của bị đơn trong quá trình tố tụng: Dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về việc đưa người vào tham gia tố tụng và xác định trách nhiệm trả nợ: Theo 02 hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng sử dụng thẻ do ông K1 ký với Ngân hàng V đều thể hiện ông K1 độc thân; ngoài ra, theo xác minh của Công an Phường 6, quận Tân Bình cũng thể hiện ông K1 chưa có vợ và phía nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bị đơn có trách nhiệm trả nợ do đó không đủ căn cứ để xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ai để đưa vào tham gia tố tụng cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn; do đó Hội đồng xét xử chỉ buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 1838417 và số 2078779 giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với qui định của Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do bị đơn vi phạm nên nguyên đơn chấm dứt cấp tín dụng và yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ gốc và lãi phát sinh là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đối với số tiền bị đơn trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại lịch trả nợ, thấy có những kỳ trả trong hạn, có những kỳ trả quá hạn mà theo quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng thì khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, tổ chức tín dụng thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau nhưng số tiền bị đơn trả cho nguyên đơn là 7.000.000đ ngày 28/4/2017 đối với hợp đồng tín dụng số 1838417 và số tiền 1.161.201đ vào ngày 03/02/2016, 8.000.000đ vào ngày 21/11/2016 và 3.000.000đ ngày 25/12/2017 đối với hợp đồng tín dụng số 2078779 chỉ được nguyên đơn thu vào số tiền lãi nên cần được xem xét lại. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau :

- Đối với hợp đồng tín dụng số 1838417 :

STT	Từ ngày tính lãi/ đến ngày trả	Số ngày	Số tiền trả (đ)	Số tiền gốc đã trả (đ)	Số tiền lãi đã trả (đ)	Dư nợ gốc 20.000.000	Số tiền lãi phải trả (đ)	
							Trong hạn (30%/năm)	Quá hạn
1	11.9.2014/10.10.2014	30	870.000	353.585	516.415	20.000.000	500.000	
2	11.10.2014/08.11.2014	29	1.090.000	312.906	777.094	19.646.415	474.788	
3	09.11.2014/09.12.2014	31	855.000	371.076	483.924	19.333.509	499.449	
4	10.12.2014/11.01.2015	33	855.000	361.731	493.269	18.962.433	521.467	
5	12.01.2015/13.02.2015	33	890.000	376.844	513.156	18.600.702	511.519	
6	14.02.2015/17.03.2015	32	838.809	429.135	409.674	18.223.858	485.970	
7	18.3.2015/23.7.2015	128	3.633.299	1.670.229	1.963.070	17.794.723		2.847.156
8	24.7.2015/26.10.2015	95	2.705.866	1.360.575	1.345.291	16.124.494		1.914.784
9	27.10.2015/03.02.2016	100	2.728.799	1.468.285	1.260.514	14.763.919		1.845.490
10	04.02.2016/28.4.2017	450	7.000.000	7.000.000	0	13.295.634		7.478.794
11	29.04.2017/29.5.2018	396	0	0	0	6.295.634		3.116.339
				13.704.366	7.762.407		2.993.193	17.202.563

Vậy số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 18.728.983đ bao gồm:
6.295.634đ tiền gốc và lãi là 12.433.349.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 2078779 :

STT	Từ ngày tính lãi/ đến ngày trả	Số ngày	Số tiền trả (đ)	Số tiền gốc đã trả (đ)	Số tiền lãi đã trả (đ)	Dư nợ gốc 30.000.000	Số tiền lãi phải trả (đ)	
							Trong hạn (30%/năm)	Quá hạn
1	23.10.2014/19.11.2014	28	1.090.000	312.906	777.094	30.000.000	700.000	
2	20.11.2014/05.01.2015	47	1.090.000	341.488	748.512	29.687.094		1.744.117
3	06.01.2014/06.02.2015	32	1.090.000	312.977	777.023	29.345.606	782.549	0
4	07.02.2014/27.02.2015	21	1.100.000	338.444	761.556	29.032.629	508.071	0
5	28.02.2015/23.3.2015	24	1.087.906	418.869	669.037	28.275.316	573.884	0
6	24.3.2015/23.7.2015	122	4.146.701	1.125.855	3.020.846	27.149.461		4.311.986
7	24.7.2015/26.10.2015	95	3.905.790	1.655.406	2.250.384	25.494.055		3.223.998
8	27.10.2015/03.02.2016	100	1.161.201	1.161.201	0	24.332.854		3.186.757
9	04.02.2016/21.11.2016	292	8.000.000	5.332.343	2.667.657	1.900.0511		8.881.492
10	22.11.2016/29.5.2018	554	3.000.000	3.000.000	0	1.600.0511		13.157.854
11			0	0	0		1.864.504	34.506.204
				13.999.489	11.672.109		36.370.708	

Vậy số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 40.699.110đ bao gồm:
16.000.511đ tiền gốc và lãi là 24.698.599đ.

Do nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-536954 mở ngày 14/8/2014 nên Hội đồng xét xử đình chỉ, không xem xét, giải quyết.

[6] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn phải chịu án phí trên số tiền 59.428.093đ, nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền 9.085.616đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1 Ông Đỗ Quang K1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 59.428.093đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn không trăm chín mươi ba đồng), bao gồm: tiền gốc 22.296.145đ (Sáu mươi ba triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng); lãi 37.131.948đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi một đồng) do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1838417 ngày 11/9/2014 và số 2078779 ngày 23/10/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và ông Đỗ Quang K1.

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đỗ Quang K1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền lãi và phí phát sinh từ ngày 30/5/2018 theo quy định tại đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VPBank số 1838417 và số 2078779 trên số dư nợ gốc cho đến khi thi hành án xong.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán khoản nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-536954 mở ngày 14/8/2014.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Quang K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.971.405đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm lẻ năm đồng).

Ngân hàng TMCP V chịu án phí 454.281đ (Bốn trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi một đồng), được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.223.970đ (Hai triệu hai trăm hai mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2017/0006990 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.769.689đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng) theo biên lai trên.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quang Lý Hoàng Thị Kim Yến

Mai Thị Bích Thảo